TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 75/2019/QĐST-DS	*B, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Lan H1, sinh năm 1937.

HKTT: số 54/1C Lê Văn Lương, tổ 12, khu phố T', phường T, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số 08 Hoàng Diệu, khu phố T'', thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị H1 ủy quyền cho ông Văn Lộc T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: 1/- Ông Nguyễn Minh H3, sinh năm 1946.

2/- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1954.

3/- Anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1983.

4/- Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1986.

5/- Chị Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

6/- Chị Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp C1, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các anh chị T3, T2, T4 và T5, ông H3 cùng ủy quyền cho bà H2).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Minh H3, bà Trần Thị H2, chị Nguyễn Thị Thùy T4, chị Nguyễn Thị Thanh T5, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Hữu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Lan H1 số tiền nợ vay và nợ lãi là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng); trong đó nợ vay là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời hạn trả nợ được ấn định vào ngày 20/01/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% là: (10.000.000đ + (30.000.000đ x 2%)) = 10.600.000đ (mười triệu sáu trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Minh H3, bà Trần Thị H2, chị Nguyễn Thị Thùy T4, chị Nguyễn Thị Thanh T5, anh Nguyễn Hữu T3, anh Nguyễn Hữu T2 đồng ý liên đới nộp.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Lan H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.484.000đ (mười triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004873 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ